

Số: /BC-SCT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Đồng Nai quy định phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và trình tự áp dụng đối với các ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ trên địa bàn Thành phố Đồng Nai

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Khu vực dịch vụ ngày càng giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế, thương mại và chuỗi giá trị toàn cầu. Quá trình số hóa, phát triển thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, logistics thông minh, dịch vụ tài chính, dịch vụ chuyên môn và các phương thức cung ứng dịch vụ xuyên biên giới đang làm thay đổi phương thức tổ chức sản xuất, lưu thông hàng hóa và hoạt động thương mại.

Dịch vụ đồng thời ngày càng trở thành đầu vào quan trọng của sản xuất công nghiệp, thương mại và các chuỗi giá trị. Xu hướng này làm gia tăng cạnh tranh giữa các quốc gia, vùng và đô thị trong phát triển hạ tầng logistics, hạ tầng số, nguồn nhân lực, môi trường đầu tư và các hệ sinh thái dịch vụ hiện đại. Cùng với đó, mô hình phát triển dịch vụ ngày càng chuyển từ các cơ sở, dự án riêng lẻ sang tổ chức theo hệ sinh thái, trung tâm dịch vụ, khu vực dịch vụ tập trung, các hành lang logistics, không gian thương mại - dịch vụ đa chức năng và sự kết hợp giữa không gian vật lý với không gian số.

Xu thế trên đặt ra yêu cầu đối với các đô thị có lợi thế về cảng hàng không, công nghiệp, logistics và kết nối vùng phải hình thành khung chính sách đủ minh bạch để tập trung nguồn lực, tạo lập hạ tầng và thu hút các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao thay vì phát triển dịch vụ phân tán.

1.2. Bối cảnh trong nước và Thành phố Đồng Nai

Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 đã xác lập cơ sở pháp lý mới về phát triển các ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ và hình thức tổ chức không gian dịch vụ. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở thẩm quyền mà khoản 1 và khoản 3 Điều 20 Luật Phát triển đô thị giao cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định phạm vi, danh mục, cơ chế, chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và trình tự áp dụng đối với các nội dung này.

Đối với Thành phố Đồng Nai, yêu cầu phát triển dịch vụ gắn với lợi thế đặc thù về Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống khu công nghiệp, cụm công nghiệp, logistics đa phương thức, mạng lưới giao thông liên vùng, thương mại quốc tế, kinh tế số, hành lang ven sông Đồng Nai và các không gian đô thị động lực. Logistics hiện đại, dịch vụ hàng không, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, thương mại quốc tế và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp là các nhóm dịch vụ cần được tập trung ưu tiên.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chủ yếu điều chỉnh riêng lẻ theo từng lĩnh vực như đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thương mại, logistics, tài chính, giáo dục, y tế, khoa học và công nghệ; chưa tạo thành một khuôn khổ chính sách thống nhất ở cấp Thành phố để xác định ngành dịch vụ ưu tiên, tổ chức không gian dịch vụ và phối hợp các nguồn lực phát triển dịch vụ theo định hướng chung.

Khoảng trống chính sách cần giải quyết gồm:

- Chưa có bộ tiêu chí pháp lý thống nhất để xác định, phân loại các ngành, lĩnh vực, mô hình và không gian dịch vụ được ưu tiên;
- Chưa có Danh mục mang tính quy phạm làm căn cứ thống nhất cho việc xem xét chính sách;
- Việc phát triển không gian dịch vụ, quỹ đất, hạ tầng, xúc tiến thị trường và nguồn nhân lực còn được thực hiện thông qua nhiều quy hoạch, chương trình, kế hoạch và thủ tục chuyên ngành khác nhau;
- Chưa có cơ chế thống nhất bảo đảm việc xem xét ưu tiên không tạo thêm thủ tục hành chính, không tạo cơ chế xin - cho và không làm thay đổi thẩm quyền của các cơ quan chuyên ngành;
- Chưa có cơ chế theo dõi, đánh giá và chấm dứt việc tiếp tục áp dụng chính sách khi đối tượng không còn đáp ứng điều kiện.

Việc ban hành Nghị quyết vì vậy cần tập trung giải quyết khoảng trống về khuôn khổ lựa chọn, định hướng ưu tiên và cơ chế phối hợp, đồng thời không thay thế hoặc làm giảm các điều kiện, trình tự, thủ tục của pháp luật chuyên ngành.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng khuôn khổ pháp lý thuộc thẩm quyền của Thành phố nhằm xác định các ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ và hình thức tổ chức không gian dịch vụ cần ưu tiên; tạo điều kiện huy động, tập trung và sử dụng có hiệu quả nguồn lực phát triển dịch vụ; khai thác lợi thế của Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hệ thống công nghiệp, logistics, thương mại và đô thị; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của khu vực dịch vụ Thành phố Đồng Nai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng tiêu chí và Danh mục ưu tiên rõ ràng, minh bạch, có khả năng kiểm chứng.

- Định hướng tổ chức các không gian dịch vụ tập trung, tích hợp, phù hợp quy hoạch và sử dụng hiệu quả đất đai, kết cấu hạ tầng.

- Tạo cơ sở để Thành phố xem xét ưu tiên phát triển quỹ đất, hạ tầng và huy động các nguồn lực hợp pháp nhưng không tạo quyền đương nhiên về đất, dự án hoặc vốn ngân sách.

- Tăng cường liên kết vùng, hợp tác quốc tế, xúc tiến thị trường, khoa học - công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành dịch vụ ưu tiên.

- Bảo đảm việc xem xét chính sách được tích hợp vào các chương trình, kế hoạch, dự án và thủ tục hiện có; không hình thành thêm một thủ tục hành chính độc lập.

- Xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt áp dụng chính sách minh bạch, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước.

- Không hỗ trợ trùng lặp; không đặt ra ưu đãi về thuế, phí, tín dụng, đất đai hoặc nghĩa vụ tài chính trái hoặc vượt quá quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Tạo môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng, hạn chế cơ chế xin - cho.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Xác định tiêu chí, phân loại, danh mục ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ và hình thức tổ chức không gian dịch vụ ưu tiên

1.1. Vấn đề cần giải quyết

Hiện chưa có một hệ thống tiêu chí thống nhất ở cấp Thành phố để xác định ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ và không gian dịch vụ nào cần được ưu tiên. Việc lựa chọn chủ yếu thể hiện trong quy hoạch, chiến lược, chương trình hoặc đề án riêng, dẫn đến nguy cơ thiếu thống nhất giữa các lĩnh vực, phân tán nguồn lực và khó kiểm tra việc áp dụng chính sách. Đối tượng chịu tác động trực tiếp gồm cơ quan quản lý nhà nước; doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà đầu tư; tổ chức khoa học và công nghệ; cơ sở đào tạo; tổ chức xúc tiến và các chủ thể tham gia phát triển dịch vụ.

1.2. Mục tiêu của chính sách

- Hình thành bộ tiêu chí công khai để xác định đối tượng ưu tiên;
- Tập trung nguồn lực vào những ngành, mô hình có tác động lan tỏa;
- Khai thác lợi thế Long Thành, logistics, công nghiệp, thương mại quốc tế và kinh tế số;

- Tạo cơ sở thống nhất cho các chính sách tại Chương II;

- Hạn chế việc lựa chọn đối tượng dựa trên đánh giá chủ quan.

1.3. Các giải pháp chính sách

Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng, không ban hành bộ tiêu chí và Danh mục thống nhất.

Giải pháp 2: Ban hành bộ tiêu chí, nguyên tắc phân loại và Danh mục như dự thảo Nghị quyết.

1.4. Đánh giá tác động

a) Đối với Giải pháp 1

Không phát sinh quy định mới, nhưng không cụ thể hóa đầy đủ cơ chế mà Luật Phát triển đô thị giao Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định. Không phát sinh ngay chi phí triển khai mới; tuy nhiên khó tập trung nguồn lực và khả năng hình thành các hệ sinh thái dịch vụ trọng điểm bị hạn chế. Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới nhưng cũng không làm rõ trước đối tượng ưu tiên.

b) Đối với Giải pháp 2

Cụ thể hóa thẩm quyền được Luật Phát triển đô thị giao. Tiêu chí phải được xác định rõ chỉ là tiêu chí của chính sách, không được chuyển thành điều kiện đầu tư kinh doanh. Doanh nghiệp và nhà đầu tư có cơ sở nhận diện rõ hơn định hướng ưu tiên; các cơ quan có cơ sở tập trung quy hoạch, hạ tầng, xúc tiến và nguồn lực. Qua đánh giá, chính sách không tạo ra sự khác biệt đáng kể về quyền, nghĩa vụ và cơ hội tiếp cận giữa nam và nữ; do đó không phát sinh tác động bất lợi về giới. Không phát sinh thủ tục hành chính độc lập nếu không yêu cầu hồ sơ xác nhận, công nhận riêng.

1.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2. Giải pháp này cụ thể hóa trực tiếp nội dung Luật giao, tạo cơ sở minh bạch cho việc áp dụng các cơ chế tiếp theo và có lợi ích quản trị lớn hơn chi phí tổ chức thực hiện.

Điều kiện bảo đảm: tiêu chí phải có khả năng kiểm chứng; không chuyển thành điều kiện kinh doanh; Danh mục không tạo quyền đương nhiên hưởng ưu đãi, đất đai hoặc ngân sách; việc điều chỉnh Danh mục thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Chính sách 2: Phát triển không gian dịch vụ, quỹ đất và kết cấu hạ tầng phục vụ dịch vụ ưu tiên

2.1. Vấn đề cần giải quyết

Phát triển dịch vụ hiện liên quan đồng thời đến quy hoạch, đất đai, phát triển đô thị, giao thông, logistics, hạ tầng số, năng lượng, đầu tư công và đầu tư tư nhân. Nếu không có cơ chế định hướng chung, dễ xảy ra tình trạng dự án dịch vụ phát triển phân tán, thiếu kết nối với hạ tầng hoặc không tạo thành hệ sinh thái.

2.2. Mục tiêu của chính sách

- Tổ chức không gian dịch vụ tập trung, tích hợp;
- Nâng hiệu quả sử dụng đất và kết cấu hạ tầng;
- Tạo điều kiện phát triển dịch vụ gắn với Long Thành, logistics và các khu vực động lực;
- Đồng bộ chuẩn bị quy hoạch, đất đai, hạ tầng và đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép;

- Không tạo cơ chế giao đất, lựa chọn nhà đầu tư hoặc bố trí vốn ngoài pháp luật hiện hành.

2.3. Các giải pháp chính sách

Giải pháp 1: Không quy định chính sách riêng; tiếp tục thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và chương trình đầu tư công hiện hành.

Giải pháp 2: Quy định nguyên tắc ưu tiên phát triển không gian, chuẩn bị quỹ đất và hạ tầng như dự thảo.

2.4. Đánh giá tác động

a) Đối với Giải pháp 1

An toàn về mặt thẩm quyền nhưng chưa phát huy thẩm quyền đặc thù được giao để tổ chức không gian dịch vụ. Hạn chế chi phí ngân sách mới trong ngắn hạn nhưng tiếp tục tình trạng thiếu liên kết giữa các dự án, quỹ đất và hạ tầng. Không phát sinh thủ tục mới nhưng khó cải thiện phối hợp liên ngành.

b) Đối với Giải pháp 2

Về nguyên tắc phù hợp nếu Nghị quyết chỉ đặt ra định hướng ưu tiên và không tự quyết định giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, lựa chọn nhà đầu tư hoặc bố trí vốn. Tạo thuận lợi cho việc hình thành các không gian dịch vụ quy mô lớn, giảm chi phí do thiếu kết nối hạ tầng và tăng khả năng thu hút dự án có tác động lan tỏa.

Chính sách không tạo ra sự khác biệt đáng kể về quyền, nghĩa vụ và cơ hội tiếp cận giữa nam và nữ. Không hình thành thủ tục mới nếu việc xem xét ưu tiên được thực hiện trong quy trình hiện có.

2.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2, với điều kiện Nghị quyết chỉ xác lập cơ chế ưu tiên về định hướng và phối hợp, không thiết lập ngoại lệ đối với pháp luật đất đai, quy hoạch, đầu tư công và lựa chọn nhà đầu tư.

3. Chính sách 3: Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực phát triển dịch vụ

3.1. Vấn đề cần giải quyết

Phát triển kết cấu hạ tầng và hệ sinh thái dịch vụ đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi ngân sách Thành phố có giới hạn. Nếu dựa chủ yếu vào ngân sách sẽ tạo áp lực tài chính; ngược lại, nếu không có nguyên tắc huy động rõ ràng thì khó phối hợp nguồn lực từ đầu tư công, đối tác công tư, đất đai, tài sản công và vốn doanh nghiệp.

3.2. Mục tiêu của chính sách

- Đa dạng hóa nguồn lực;
- Tập trung ngân sách cho nhiệm vụ thuộc trách nhiệm Nhà nước và hạ tầng công cộng, dùng chung;
- Khuyến khích vốn xã hội đối với công trình có khả năng khai thác thương mại;

- Không hình thành quỹ tài chính ngoài ngân sách hoặc nghĩa vụ tài chính mới khi chưa có căn cứ pháp luật.

3.3. Các giải pháp chính sách

Giải pháp 1: Không quy định nguyên tắc riêng về nguồn lực.

Giải pháp 2: Quy định nguyên tắc huy động nguồn lực như Điều 11 dự thảo.

3.4. Đánh giá tác động

a) Đối với Giải pháp 1

Không tạo rủi ro pháp lý mới nhưng thiếu nguyên tắc chung để cân đối giữa vốn công và vốn tư, có thể dẫn đến việc chuẩn bị chính sách thiếu đồng bộ.

b) Đối với Giải pháp 2

Có tác dụng xác định giới hạn chính sách rõ ràng; đặc biệt việc loại trừ quỹ tài chính ngoài ngân sách, tín dụng, bảo lãnh, hỗ trợ lãi suất và nghĩa vụ bố trí ngân sách là cần thiết để hạn chế nguy cơ vượt thẩm quyền. Khả năng huy động nguồn lực tư nhân có thể giảm áp lực ngân sách và đẩy nhanh đầu tư hạ tầng.

Không phát sinh thủ tục hành chính độc lập.

3.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2 do vừa tạo khuôn khổ huy động nguồn lực vừa đặt rào chắn pháp lý đối với các cam kết tài chính vượt thẩm quyền. Không nên bổ sung mức hỗ trợ, hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh hoặc cơ chế tài chính cụ thể nếu chưa có căn cứ pháp luật trực tiếp, xác định rõ nguồn kinh phí và đánh giá đầy đủ tác động ngân sách.

4. Chính sách 4: Hợp tác quốc tế, liên kết vùng, phát triển thị trường và nguồn nhân lực chất lượng cao

4.1. Vấn đề cần giải quyết

Các ngành dịch vụ như logistics, hàng không, thương mại quốc tế, công nghệ, tài chính và dịch vụ chuyên môn phụ thuộc lớn vào thị trường, chuỗi cung ứng, kết nối đối tác và nguồn nhân lực. Nếu chỉ đầu tư đất đai và hạ tầng mà thiếu chính sách về thị trường và nhân lực thì hiệu quả thu hút đầu tư bị hạn chế.

4.2. Mục tiêu của chính sách

- Mở rộng thị trường, đối tác và chuỗi cung ứng;
- Tăng liên kết Thành phố Đồng Nai với Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Đông Nam Bộ và các địa phương liên quan;
- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hoạt động xúc tiến, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và tiêu chuẩn thị trường;
- Phát triển nhân lực cho logistics, hàng không, khoa học - công nghệ, thương mại quốc tế và các ngành dịch vụ ưu tiên.

4.3. Các giải pháp chính sách

Giải pháp 1: Tiếp tục triển khai qua các chương trình xúc tiến và đào tạo hiện có mà không xác định ưu tiên riêng.

Giải pháp 2: Xác định các ngành dịch vụ ưu tiên là đối tượng được xem xét tham gia các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ của Thành phố trong phạm vi nguồn lực được phê duyệt.

4.4. Đánh giá tác động

a) Đối với Giải pháp 1

Chi phí tổ chức thấp hơn nhưng nguồn lực có nguy cơ phân tán, không gắn chặt với các ngành động lực.

b) Đối với Giải pháp 2

Không tạo ưu đãi tài chính trực tiếp mà chỉ xác định nguyên tắc ưu tiên tiếp cận chương trình. Doanh nghiệp có thêm cơ hội kết nối thị trường, chuỗi cung ứng, công nghệ và đối tác; người lao động được tiếp cận chương trình nâng cao kỹ năng.

Căn cứ Nghị quyết số 24/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn Đồng Nai; trong đó đặt yêu cầu ưu tiên bố trí vốn cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời quy định nguyên tắc phân bổ vốn cho cấp xã và các nhiệm vụ, chương trình, dự án trọng điểm. Vì vậy, Nghị quyết phát triển dịch vụ cần vận hành trong khung phân bổ vốn đầu tư công đã được ban hành, không tạo một cơ chế phân bổ vốn song song hoặc quyền đương nhiên được bố trí vốn chỉ vì thuộc Danh mục ưu tiên. Việc bố trí nguồn lực cụ thể phải căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách và từng chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

Qua đánh giá, quy định không tạo sự khác biệt về quyền và điều kiện tiếp cận theo giới. Không hình thành thủ tục mới ở cấp Nghị quyết; từng chương trình hỗ trợ phải có tiêu chí, điều kiện và quy trình lựa chọn công khai.

4.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2, vì tạo sự liên kết giữa định hướng ngành ưu tiên với hoạt động xúc tiến, phát triển thị trường và nguồn nhân lực nhưng vẫn duy trì nguyên tắc thực hiện trong phạm vi chương trình và nguồn lực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chính sách 5: Cơ chế áp dụng chính sách gắn với thủ tục hiện hành và theo dõi, đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt

5.1. Vấn đề cần giải quyết

Nếu xây dựng một thủ tục riêng để doanh nghiệp xin xác nhận đủ điều kiện hưởng chính sách, có nguy cơ phát sinh thêm hồ sơ, thời gian giải quyết, cơ chế xin - cho và một tầng quyết định hành chính không cần thiết. Mặt khác, nếu không có cơ chế hậu kiểm, đối tượng có thể tiếp tục được áp dụng chính sách dù không còn đáp ứng điều kiện.

5.2. Mục tiêu của chính sách

- Không phát sinh thủ tục hành chính độc lập;

- Tái sử dụng thông tin, tài liệu đã có;
- Mỗi chính sách được xem xét trong đúng thủ tục, chương trình, dự án hoặc quyết định chuyên ngành tương ứng;
- Theo dõi việc duy trì điều kiện và hiệu quả chính sách;
- Chấm dứt việc tiếp tục hưởng chính sách khi không còn đáp ứng điều kiện nhưng không làm ảnh hưởng trái pháp luật đến quyền đầu tư, đất đai hoặc giấy phép đã được xác lập.

5.3. Các giải pháp chính sách

Giải pháp 1: Thành lập thủ tục riêng để xác nhận đối tượng đủ điều kiện hưởng chính sách.

Giải pháp 2: Tích hợp việc xem xét chính sách vào quy trình hiện có, không cấp giấy xác nhận riêng; đồng thời thiết lập cơ chế hậu kiểm.

5.4. Đánh giá tác động

a) Đối với Giải pháp 1

Có rủi ro lớn về căn cứ thẩm quyền đặt thêm thủ tục hành chính và hồ sơ; tăng chi phí tuân thủ và thời gian chuẩn bị của doanh nghiệp; tăng nhân lực xử lý của cơ quan nhà nước. Phát sinh rõ ràng một thủ tục mới, gồm đề nghị, hồ sơ chứng minh, thẩm định, quyết định và khả năng khiếu nại.

b) Đối với Giải pháp 2

Phù hợp nguyên tắc không làm thay đổi thẩm quyền chuyên ngành. Giảm chi phí hành chính, giảm hồ sơ trùng lặp; tăng khả năng phối hợp. Không tạo ra sự khác biệt đáng kể về quyền, nghĩa vụ và cơ hội tiếp cận giữa nam và nữ. Đây là phương án tối ưu về cải cách thủ tục hành chính. Cần giữ các nguyên tắc: không lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách riêng; không quy định giấy xác nhận đủ điều kiện; không yêu cầu cung cấp lại dữ liệu đã có; không kéo dài thời hạn giải quyết thủ tục chuyên ngành; không đặt thêm phí, lệ phí; việc theo dõi không tạo chế độ báo cáo riêng nếu pháp luật không quy định.

5.5. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2. Đây là giải pháp hạn chế tốt nhất nguy cơ phát sinh cơ chế xin - cho, giảm chi phí tuân thủ và bảo đảm mỗi cơ quan quyết định trong phạm vi thẩm quyền của mình.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG TỔNG THỂ

1. Tác động về kinh tế

Nghị quyết dự kiến tạo tác động tích cực thông qua việc nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực, thúc đẩy logistics và kinh tế hàng không, khai thác lợi thế Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hỗ trợ phát triển thương mại quốc tế, đổi mới sáng tạo và kinh tế số, đồng thời tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư. Tác động tiêu cực có thể phát sinh nếu ưu tiên dàn trải hoặc tiêu chí thiếu rõ ràng; rủi ro này được kiểm soát thông qua hệ thống tiêu chí và nguyên tắc tại dự thảo Nghị quyết.

2. Tác động về xã hội

Dự thảo có khả năng tạo thêm việc làm, đặc biệt trong logistics, công nghệ, thương mại, du lịch, y tế, giáo dục và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Chính sách được thiết kế theo tiêu chí kinh tế - kỹ thuật, không phân biệt giới tính, dân tộc hoặc loại hình sở hữu.

3. Tác động về môi trường

Dự thảo lồng ghép định hướng logistics xanh, chuyển đổi xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và kinh tế tuần hoàn. Tuy nhiên, mọi chương trình, dự án cụ thể vẫn phải tuân thủ đầy đủ pháp luật về bảo vệ môi trường và các tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành.

4. Tác động đến ngân sách nhà nước

Nghị quyết có thể làm phát sinh nhu cầu chi cho kết cấu hạ tầng, xúc tiến, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và phát triển thị trường. Tuy nhiên, dự thảo không quy định mức chi, mức hỗ trợ hoặc định mức mới; việc thực hiện phụ thuộc khả năng cân đối, dự toán, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tại thời điểm xây dựng Báo cáo chưa đủ cơ sở xác định một mức chi ngân sách cụ thể phát sinh trực tiếp từ Nghị quyết.

5. Tác động đến hệ thống pháp luật

Dự thảo không sửa đổi pháp luật chuyên ngành, không tạo ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện mới, không thay đổi điều kiện tiếp cận thị trường, không thay đổi thẩm quyền cấp phép, không tạo cơ chế miễn, giảm nghĩa vụ tài chính và không làm thay đổi trình tự giao đất, cho thuê đất, đấu giá, đấu thầu theo pháp luật hiện hành.

6. Tác động đến thủ tục hành chính

Dự thảo được thiết kế theo nguyên tắc không phát sinh thủ tục hành chính độc lập. Việc xem xét chính sách được tích hợp vào các quy trình hiện hành về quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, ngân sách và thủ tục chuyên ngành; không lập hồ sơ riêng và không cấp văn bản xác nhận riêng nếu pháp luật không quy định.

7. Tác động về bình đẳng giới

Các chính sách áp dụng theo tiêu chí kinh tế, kỹ thuật, hiệu quả phát triển và điều kiện pháp luật; không có quy định tạo sự phân biệt hoặc hạn chế quyền tiếp cận chính sách theo giới. Qua rà soát sơ bộ, không phát hiện tác động bất lợi trực tiếp đến bình đẳng giới.

8. Tác động đối với doanh nghiệp

Tác động tích cực dự kiến gồm tăng khả năng tiếp cận thông tin, cơ hội tham gia chuỗi cung ứng, xúc tiến và kết nối thị trường, giảm chi phí logistics và chi phí tuân thủ do không phát sinh thủ tục độc lập. Dự thảo không đặt thêm điều kiện đầu tư, kinh doanh đối với doanh nghiệp.

IV. KHẢ NĂNG TUÂN THỦ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Khả năng tuân thủ được đánh giá ở mức thuận lợi do dự thảo không tạo thủ tục hành chính mới, không yêu cầu lập hồ sơ riêng để đề nghị áp dụng chính sách, ưu tiên sử dụng thông tin và kết quả thẩm định đã có, đồng thời phân công tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hiện hành.

Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai, phân công cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ; Hội đồng nhân dân Thành phố thực hiện giám sát; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên phối hợp tuyên truyền, giám sát theo quy định.

Đối với chính sách có sử dụng ngân sách, quỹ đất hoặc kết cấu hạ tầng, việc triển khai chỉ thực hiện khi có đầy đủ căn cứ pháp lý, phù hợp quy hoạch, chương trình, kế hoạch, dự toán và nguồn lực được cấp có thẩm quyền quyết định.

V. PHỤ LỤC: đính kèm

Nơi nhận:

- ...;
- ...;
- Lưu: VT, QLTM.

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 1. Bảng tổng hợp phương án chính sách, đối tượng chịu tác động và kết quả lựa chọn

STT	Nhóm chính sách	Phương án 1	Phương án 2	Đối tượng chịu tác động chính	Kết quả lựa chọn
1	Xác định tiêu chí, phân loại và Danh mục ngành, lĩnh vực, mô hình dịch vụ, hình thức tổ chức không gian dịch vụ ưu tiên	Giữ nguyên hiện trạng; tiếp tục xác định lĩnh vực ưu tiên thông qua quy hoạch, chương trình, kế hoạch và pháp luật chuyên ngành	Ban hành bộ tiêu chí, nguyên tắc phân loại và Danh mục ưu tiên trong Nghị quyết	Cơ quan nhà nước; doanh nghiệp, hợp tác xã, nhà đầu tư; tổ chức khoa học và công nghệ; cơ sở đào tạo; tổ chức xúc tiến	Lựa chọn phương án 2
2	Phát triển không gian dịch vụ, quỹ đất và kết cấu hạ tầng	Không quy định chính sách riêng; tiếp tục thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch và chương trình đầu tư hiện hành	Quy định nguyên tắc ưu tiên phát triển không gian, chuẩn bị điều kiện về quỹ đất và phát triển hạ tầng theo quy hoạch, pháp luật	Cơ quan nhà nước; doanh nghiệp, nhà đầu tư; người dân tại khu vực có dự án	Lựa chọn phương án 2
3	Huy động, quản lý và sử dụng nguồn lực phát triển dịch vụ	Không quy định nguyên tắc chung; nguồn lực xác định trong từng chương trình, dự án	Quy định nguyên tắc huy động đa dạng nguồn lực, giới hạn nghĩa vụ ngân sách và phạm vi sử dụng nguồn lực công	Ngân sách nhà nước; doanh nghiệp, nhà đầu tư; cơ quan quản lý tài chính, đầu tư	Lựa chọn phương án 2
4	Hợp tác, liên kết, phát triển thị trường và nguồn nhân lực	Tiếp tục thực hiện thông qua các chương trình xúc tiến, đào tạo hiện có, không xác định ưu tiên riêng	Xác định nhóm dịch vụ ưu tiên được xem xét tham gia các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ trong phạm vi nguồn lực được phê duyệt	Doanh nghiệp; người lao động; cơ sở đào tạo; tổ chức xúc tiến; cơ quan quản lý	Lựa chọn phương án 2
5	Trình tự, thủ tục áp dụng và cơ chế theo dõi, đánh giá	Thiết lập thủ tục riêng để xác nhận đối tượng được áp dụng chính sách	Tích hợp việc xem xét chính sách vào thủ tục, chương trình, kế hoạch hiện hành; không cấp giấy xác nhận riêng; thực hiện hậu kiểm	Doanh nghiệp, nhà đầu tư; cơ quan giải quyết thủ tục; cơ quan quản lý chương trình hỗ trợ	Lựa chọn phương án 2

Phụ lục 2. Bảng tổng hợp chi phí và lợi ích dự kiến của các phương án được lựa chọn

Nhóm chính sách	Chi phí đối với Nhà nước	Chi phí đối với doanh nghiệp, người dân	Lợi ích đối với Nhà nước	Lợi ích đối với doanh nghiệp, người dân
Tiêu chí, phân loại và Danh mục ưu tiên	Chi phí rà soát, tổng hợp dữ liệu; theo dõi, cập nhật Danh mục; phối hợp liên ngành	Không phát sinh hồ sơ riêng; có thể phát sinh chi phí cung cấp thông tin nếu tài liệu chưa có trong hệ thống nhà nước	Tăng tính minh bạch; tập trung nguồn lực; giảm đánh giá chủ quan	Dễ nhận diện định hướng ưu tiên; giảm chi phí tìm hiểu chính sách
Không gian dịch vụ, quỹ đất, hạ tầng	Có thể phát sinh chi đầu tư công, phát triển quỹ đất, kết nối hạ tầng theo từng chương trình, dự án được phê duyệt	Doanh nghiệp vẫn chịu các chi phí đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường theo pháp luật hiện hành	Tăng hiệu quả quy hoạch và khai thác hạ tầng; tạo cực tăng trưởng dịch vụ	Giảm chi phí do thiếu kết nối hạ tầng; tăng khả năng tiếp cận không gian phát triển dịch vụ
Huy động và sử dụng nguồn lực	Chi phí chuẩn bị, thẩm định, quản lý dự án; giám sát sử dụng vốn, tài sản công	Chi phí chuẩn bị dự án, huy động vốn, tuân thủ cơ chế PPP hoặc hình thức đầu tư tương ứng	Giảm áp lực ngân sách; tăng khả năng huy động vốn xã hội	Mở rộng cơ hội đầu tư vào hạ tầng và dịch vụ
Thị trường, hợp tác, nhân lực	Chi phí tổ chức xúc tiến, đào tạo, kết nối, hỗ trợ kỹ thuật trong phạm vi dự toán được duyệt	Chi phí tham gia chương trình, đào tạo, chuẩn bị nhân lực; không phát sinh nghĩa vụ bắt buộc mới	Tăng chất lượng nguồn nhân lực, năng lực thu hút đầu tư, liên kết vùng	Mở rộng thị trường, đối tác, kỹ năng, khả năng tiếp cận công nghệ
Trình tự, thủ tục áp dụng và hậu kiểm	Chi phí kết nối dữ liệu, phối hợp, theo dõi; không phát sinh bộ máy thủ tục riêng	Không phát sinh thủ tục, phí, lệ phí hoặc giấy xác nhận mới	Giảm trùng lặp xử lý; tăng khả năng kiểm soát chính sách	Giảm thời gian, hồ sơ và chi phí hành chính